

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Thể chất

Khoá: 2022

Trình độ Đại học

Hình thức đào tạo Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHSP ngày 11/6/2022 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH/TN			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	11	4	1		
1	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	
3	21321903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	
6	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		
7	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
8	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			140	67	13.5	59.5		
		Kiến thức Cơ sở ngành	20	13	6	1		
9	00131001	Giải phẫu học	3	2	1	0		
10	00131020	Sinh lý học – Thể dục Thể thao	3	2	1	0		
11	00121016	Y học – Thể dục Thể thao	2	1	1	0		
12	00121014	Vệ sinh học Thể dục Thể thao	2	1.5	0.5	0		
13	00131021	Đo lường Thể dục Thể thao	3	1.5	1.5	0	31121007	
14	00121026	Quản lý Thể dục Thể thao	2	1.5	0.5	0		
15	00131008	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục thể chất	3	2	0	1		
16	31121007	Toán thống kê	2	1.5	0.5	0		
		Kiến thức Chuyên ngành	83	36.5	1.5	45		
17	31631001	Điện kinh 1	3	1	0	2		
18	00121002	Điện kinh 2	2	0.5	0	1.5	31631001	
19	31631003	Thể dục 1	3	1	0	2		
20	00121003	Thể dục 2	2	0.5	0	1.5	00121003	
21	00131035	Bơi lội	3	1	0	2		
22	00131004	Bóng đá	3	1	0	2		
23	00131009	Bóng chuyền	3	1	0	2		
24	00121015	Bóng bàn	2	0.5	0	1.5		
25	00131022	Cầu lông	3	1	0	2		
26	00131013	Bóng rổ	3	1	0	2		
27	00131029	Võ thuật	3	1	0	2		
28	00131010	Thể thao chuyên ngành 1	3	1.5	0	1.5		
29	00131017	Thể thao chuyên ngành 2	3	1.5	0	1.5	00131010	
30	00131023	Thể thao chuyên ngành 3	3	1.5	0	1.5	00131017	
31	00131030	Thể thao chuyên ngành 4	3	1.5	0	1.5	00131023	
32	00131036	Thể thao chuyên ngành 5	3	1.5	0	1.5	00131030	
33	00141005	Lý luận và Phương pháp dạy học Giáo dục thể chất	4	3	0	1		
34	00121024	Học thuyết Huấn luyện Thể thao	2	1.5	0	0.5		
35	31621022	Lịch sử Thể dục Thể thao	2	1.5	0.5	0		
36	00121028	Kinh tế Thể dục Thể thao	2	1.5	0	0.5		
37	00121027	Tâm lý Thể dục Thể thao	2	1.5	0	0.5		
38	00121032	Tổ chức sự kiện Thể dục Thể thao	2	1	0	1		
		Học phần Tự chọn	24	9.5	1	13.5		
39	00121037	Sinh hóa Thể dục Thể thao	2	1.5	0.5	0		
40	00121007	Sinh cơ học Thể dục Thể thao	2	1.5	0.5	0		
41	00131012	Cờ vua	3	1	0	2		
42	00131006	Đá cầu	3	1	0	2		
43	00131018	Quần vợt	3	1	0	2		



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH/TN			
					L1	L2		
44	00131025	Khiêu vũ Thể thao	3	1	0	2		
45	00131031	Trò chơi vận động	3	1	0	2		
46	00131019	Yoga	3	1	0	2		
47	00121011	Bóng ném	2	0.5	0	1.5		
		Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm	19	13.5	4	1.5		
48	32041719	Tâm lí học giáo dục	4	3	1	0		
49	32031255	Giáo dục học	3	2.5	0.5	0		
50	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	1	1	0		
51	32021074	Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất	2	1.5	0.5	0		
52	00121033	Đánh giá trong dạy học môn Giáo dục thể chất	2	1.5	0	0.5		
53	00121034	Hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Thể dục thể thao	2	1	0	1		
		Học phần Tự chọn	4	3	1	0		
54	31621065	Công tác Đoàn - Đội trong trường phổ thông	2	1	1	0		
55	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	2	0	0		
		Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	4	2	12		
56	31621066	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2	00141005	
57	31641067	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	31621066	
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	4	2	6		
58	00161038	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	6		
59	00131039	Chuyên luận tốt nghiệp 1: Phương pháp phát triển thể lực cho học sinh	3	2	1	0		
60	00131040	Chuyên luận tốt nghiệp 2: Dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe	3	2	1	0	00131039	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			155	78	17	61		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			115	61	13	41		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15					

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Thị Phượng

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Thể chất

Khoá: 2022

Trình độ Đại học

Hình thức đào tạo Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHSP ngày 17/6 /2022 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH/TN			
					L1	L2		
1	32041719	Tâm lí học giáo dục	4.0	3.0	1.0	0		
	31631001	Điện kinh 1	3.0	1.0	0	2.0		
	31631003	Thể dục 1	3.0	1.0	0	2.0		
	31121007	Toán thống kê	2.0	1.5	0.5	0		
	31621022	Lịch sử Thể dục Thể thao	2.0	1.5	0.5	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ		14.0	8.0	2.0	4.0		
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3.0	2.0	1.0	0		
	31221885	Tin học đại cương	2.0	1.0	0.0	1		
	00131001	Giải phẫu học	3.0	2.0	1.0	0		
	00121002	Điện kinh 2	2.0	0.5	0	1.5	31631001	
	00121003	Thể dục 2	2.0	0.5	0	1.5	31631003	
	00131004	Bóng đá	3.0	1.0	0	2.0		
	00141005	Lý luận và Phương pháp dạy học Giáo dục Thể chất	4.0	3.0	0	1.0		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
	Học phần Tự chọn		5.0	2.5	0.5	2.0		
	00131006	Đá cầu	3.0	1.0	0	2.0		
00121007	Sinh cơ học Thể dục Thể thao	2.0	1.5	0.5	0			
Tổng tín chỉ trong học kỳ		24.0	12.5	2.5	9.0			
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.0	1.5	0.5	0	21231902	
	31621549	Pháp luật đại cương	2.0	1.5	0.5	0		
	00131008	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục thể chất	3.0	2.0	0	1.0		
	00131009	Bóng chuyền	3.0	1.0	0	2.0		
	00131010	Thể thao chuyên ngành 1	3.0	1.5	0	1.5		
	32031255	Giáo dục học	3.0	2.5	0.5	0		
	Học phần Tự chọn		5.0	1.5	0.0	3.5		
	00121011	Bóng ném	2.0	0.5	0	1.5		
	00131012	Cờ vua	3.0	1.0	0	2.0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ		21.0	11.5	1.5	8.0		
4	21321903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	1.5	0.5	0	21321901	
	00131013	Bóng rổ	3.0	1.0	0	2.0		
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2.0	1.0	1.0	0.0		
	00121014	Vệ sinh học Thể dục Thể thao	2.0	1.5	0.5	0		
	00121015	Bóng bàn	2.0	0.5	0	1.5		
	00121016	Y học – Thể dục Thể thao	2.0	1.0	1.0	0		
	00131017	Thể thao chuyên ngành 2	3.0	1.5	0	1.5	00131010	
	Học phần Tự chọn		6.0	2.0	0.0	4.0		
	00131018	Quần vợt	3.0	1.0	0	2.0		
	00131019	Yoga	3.0	1.0	0	2.0		
Tổng tín chỉ trong học kỳ		22.0	10.0	3.0	9.0			
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	1.5	0.5	0	21221903	
	00131020	Sinh lý học – Thể dục Thể thao	3.0	2.0	1.0	0		
	00131021	Đo lường Thể dục Thể thao	3.0	1.5	1.5	0		
	00131022	Cầu lông	3.0	1.0	0	2.0		
	00131023	Thể thao chuyên ngành 3	3.0	1.5	0	1.5	00131017	
	00121024	Học thuyết Huấn luyện Thể thao	2.0	1.5	0	0.5		
	Học phần Tự chọn		5	2	1	2		
	00131025	Khiêu vũ Thể thao	3.0	1.0	0	2.0		
	31621065	Công tác Đoàn - Đội trong trường phổ thông	2.0	1.0	1	0.0		



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH/TN			
					L1	L2		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	21.0	11.0	4.0	6.0		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	1.5	0.5	0.0	21221904	
	00121026	Quản lý Thể dục Thể thao	2.0	1.5	0.5	0.0		
	00121027	Tâm lý Thể dục Thể thao	2.0	1.5	0.0	0.5		
	00121028	Kinh tế Thể dục Thể thao	2.0	1.5	0.0	0.5		
	00131029	Võ thuật	3.0	1.0	0.0	2.0		
	00131030	Thể thao chuyên ngành 4	3.0	1.5	0.0	1.5	00131023	
		Học phần Tự chọn	5.0	3.0	0.0	2.0		
	32021002	<i>Quản lý nhà nước về giáo dục</i>	2.0	2.0	0	0		
	00131031	<i>Trò chơi vận động</i>	3.0	1.0	0	2		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	19.0	11.5	1.0	6.5		
7	00121032	Tổ chức sự kiện Thể dục Thể thao	2.0	1.0	0	1.0		
	32021074	Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất	2.0	1.5	0.5	0		
	00121033	Đánh giá trong dạy học môn Giáo dục thể chất	2.0	1.5	0	0.5		
	00121034	Hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Thể dục thể thao	2.0	1.0	0	1.0		
	00131035	Bơi lội	3.0	1.0	0	2.0		
	00131036	Thể thao chuyên ngành 5	3.0	1.5	0	1.5	00131030	
	31621066	Kiểm tập sự phạm	2.0	0	0	2.0	00141005	
		Học phần Tự chọn	2.0	1	1	0		
	00121037	<i>Sinh hóa Thể dục Thể thao</i>	2.0	1.5	0.5	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ	18.0	8.5	1.5	8.0		
8	31641067	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	31621066	
		Học phần Tự chọn	12	4	2	6		
	00161038	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	0	6		
	00131039	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 1: Phương pháp phát triển thể lực cho học sinh</i>	3	2	1	0		
	00131040	<i>Chuyên luận tốt nghiệp 2: Dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe</i>	3	2	1	0	00131039	
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	16	4	2	10		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).

- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA

TS. Đinh Thị Phụng

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

